

Số: 2389 /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-ĐHHĐ, ngày 29/3/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về công tác HSSV hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT, ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ kế hoạch số 248/KH-ĐHHĐ, ngày 11/12/2020 về việc tổ chức Hội nghị tuyên dương sinh viên xuất sắc, giỏi năm học 2020-2021;

Theo đề nghị của các khoa về việc khen thưởng sinh viên đạt kết quả học tập, rèn luyện loại xuất sắc, giỏi năm học 2019-2020;

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen của Hiệu trưởng cho 30 sinh viên Xuất sắc, 185 sinh viên Giỏi năm học 2019-2020 và phần thưởng 200.000đ/SV xuất sắc có tên sau:

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí khen thưởng được trích từ nguồn kinh phí dành cho công tác thi đua, khen thưởng của Nhà trường.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng đơn vị liên quan, các lớp sinh viên chính quy và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng trường;
- Hội khuyến học Nhà trường
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P. CT HSSV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Hoảng Bá Huyền

Phụ lục

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU XUẤT SẮC, NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo QĐ số: 2389 /QĐ-ĐHHD, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng)

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TBC học tập		Điểm rèn luyện		Phân loại
					HK I	HK II	HK I	HK II	
1	186101CLC01	Lê Thị Phương	Ngọc	K21 ĐHSP Toán học	3.67	3.62	90	90	Xuất sắc
2	1761010011	Nguyễn Thị Phương	Thúy	K20 ĐHSP Toán học	3.76	3.65	94	96	Xuất sắc
3	186602CLC03	Trịnh Đình	Duy	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	3.94	3.91	95	98	Xuất sắc
4	186602CLC04	Lê Thị	Hiền	nt	3.72	3.78	98	94	Xuất sắc
5	186602CLC10	Phạm Thị	Trang	nt	3.67	3.69	95	90	Xuất sắc
6	196602CLC03	Mai Ngọc	Dịu	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3.70	3.63	90	91	Xuất sắc
7	196601CLC02	Lê Thị Hồng	Ánh	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3.87	3.71	91	98	Xuất sắc
8	196601CLC09	Lê Khánh	Linh	nt	3.67	3.86	93	98	Xuất sắc
9	1867010028	Vũ Thị Diệu	Linh	K21 ĐHSP Tiếng Anh	3.64	3.68	90	90	Xuất sắc
10	1769000006	Trương Thùy	Dung	K20A ĐHGĐ Tiểu học	3.81	3.67	96	94	Xuất sắc
11	1769000029	Nguyễn Thị	Phương	nt	3.69	3.72	91	91	Xuất sắc
12	1769000040	Lê Thị	Tú	nt	3.81	3.73	90	97	Xuất sắc
13	1869000034	Bùi Thị	Thoa	K21 ĐHGĐ Tiểu học	3.71	3.74	95	96	Xuất sắc
14	1769010149	Bùi Thị	Ngân	K20C ĐHGĐ Mầm non	3.61	3.67	91	92	Xuất sắc
15	1769010154	Nguyễn Thị Kim	Oanh	nt	3.68	4.00	90	95	Xuất sắc
16	1769010157	Đỗ Thị Tú	Quyên	nt	3.75	3.87	93	98	Xuất sắc
17	1769010164	Vũ Thị	Thùy	nt	3.64	3.83	93	96	Xuất sắc
18	1769010173	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	nt	3.93	4.00	95	98	Xuất sắc
19	1869010002	Lê Thị Vân	Anh	K21A ĐHGĐ Mầm non	3.60	3.61	93	94	Xuất sắc
20	1661070012	Lê Đức	Thuận	K19 ĐH KTCT	4.00	3.88	93	93	Xuất sắc
21	1661030063	Nguyễn Văn	Cường	K20B ĐH CNTT	3.76	4.00	93	93	Xuất sắc
22	1761030023	Trần Thị	Liên	nt	3.74	4.00	95	92	Xuất sắc
23	1761030001	Trịnh Thị Lâm	Anh	nt	3.65	3.91	90	93	Xuất sắc
24	1761030046	Trịnh Thị Phương	Yến	nt	3.65	3.66	90	93	Xuất sắc
25	1861030015	Nguyễn Hoàng	Long	K21A ĐH CNTT	3.86	3.84	96	96	Xuất sắc
26	1663050008	Lưu Thành	Đạt	K19 ĐH Nông học	3.76	3.91	95	95	Xuất sắc
27	1663020033	Phạm Quốc	Ngọc	K19 ĐH CNTY	3.67	3.71	90	90	Xuất sắc
28	1764020046	Trịnh Thị	Út	K20A ĐH QTKD	3.67	3.71	92	93	Xuất sắc
29	1764010113	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	K20B ĐH Kế toán	3.73	3.77	90	90	Xuất sắc
30	1766090003	Ngô Thị	Huế	K20 ĐH Tâm lý học	3.82	3.53	94	96	Xuất sắc

(Ấn định danh sách này có 30 sinh viên)

H. S. /

Phụ lục

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU GIỎI, NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo QĐ số: 2389/QĐ-ĐHHD, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng)

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TBC học tập		Điểm rèn luyện		Phân loại
					HK I	HK II	HK I	HK II	
1	196101CLC01	Hoàng Kim	Anh	K22 ĐHSP Toán (CLC)	3.41	3.47	91	91	Giỏi
2	196101CLC01	Đặng Thị Hồng	Liên	nt	3.68	3.41	90	90	Giỏi
3	196101CLC01	Thiều Khánh	Linh	nt	3.38	3.53	91	94	Giỏi
4	196101CLC01	Đặng Văn	Phong	nt	3.47	3.59	91	94	Giỏi
5	196101CLC01	Lê Thị	Thu	nt	3.21	3.53	81	91	Giỏi
6	1861010004	Hoàng Văn	Hùng	K21 ĐHSP Toán	3.35	3.47	98	93	Giỏi
7	1761010012	Lê Thị	Thùy	K20 ĐHSP Toán	3.29	3.26	86	90	Giỏi
8	1766010009	Nguyễn Thị	Vân	K20 ĐHSP Ngữ văn	3.29	3.53	94	96	Giỏi
9	186602CLC01	Lương Thị	Chiều	K21 ĐHSP Lịch sử CLC	3.55	3.69	94	94	Giỏi
10	186602CLC02	Phạm Đình	Dương	nt	3.68	3.38	98	94	Giỏi
11	186602CLC05	Nguyễn Thị	Hiền	nt	3.36	3.41	92	88	Giỏi
12	186602CLC06	Lê Thị Hương	Lan	nt	3.58	3.47	87	90	Giỏi
13	186602CLC07	Vũ Đức	Nguyễn	nt	3.78	3.41	90	86	Giỏi
14	186602CLC09	Hà Thị	Thùy	nt	3.81	3.31	90	92	Giỏi
15	196602CLC22	Phạm Tuấn	Vinh	K22 ĐHSP Lịch sử CLC	3.50	3.50	81	81	Giỏi
16	196602CLC10	Cao Thị	Linh	nt	3.23	3.75	81	90	Giỏi
17	196602CLC17	Hồ Sỹ	Sơn	nt	3.30	3.56	84	83	Giỏi
18	186601CLC03	Hồ Thị	Hoa	K21 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3.42	3.41	91	96	Giỏi
19	186601CLC02	Lê Thị Ngọc	Ánh	nt	3.34	3.34	91	91	Giỏi
20	186601CLC09	Lâm Thị Thu	Thảo	nt	3.34	3.31	82	83	Giỏi
21	186601CLC01	Hoàng Mai	Anh	nt	3.24	3.38	83	85	Giỏi
22	186601CLC10	Phạm Thị Thu	Thương	nt	3.34	3.38	82	85	Giỏi
23	1866010014	Bùi Thị	Thu	K21 ĐHSP Ngữ Văn	3.36	3.34	91	96	Giỏi
24	196601CLC13	Đặng Thị Ngọc	Quỳnh	K22 ĐHSP Ngữ Văn CLC	3.50	3.71	77	90	Giỏi
25	196601CLC06	Hoàng Thị	Hoa	nt	3.40	3.43	81	83	Giỏi
26	196601CLC14	Phạm Ngọc Thái	Sơn	nt	3.40	3.71	81	91	Giỏi
27	196601CLC07	Nguyễn Thị	Huyền	nt	3.40	3.36	81	90	Giỏi
28	196601CLC08	Trần Thị	Lan	nt	3.50	3.50	85	92	Giỏi
29	1767010021	Ngô Thị	Hoa	K20A ĐHSP Tiếng Anh	3.44	3.21	91	98	Giỏi
30	1767010027	Trương Thị Kiều	Hưng	nt	3.21	3.35	91	98	Giỏi
31	1767010054	Nguyễn Diệu	Mai	K20B ĐHSP Tiếng Anh	3.41	3.38	94	95	Giỏi
32	1767010053	Hoàng Thị	Loan	nt	3.26	3.50	94	90	Giỏi
33	1767010047	Cù Khánh	Linh	nt	3.35	3.58	90	87	Giỏi
34	1767010066	Lê Thị	Quỳnh	nt	3.47	3.38	91	91	Giỏi
35	1867010009	Nguyễn Hoàng Minh	Giang	K21 ĐHSP Tiếng Anh	3.71	3.58	87	87	Giỏi
36	1867010008	Phùng Thùy	Dương	nt	3.5	3.53	91	92	Giỏi
37	1867010050	Thiều Hà	Trang	K21 ĐHSP Tiếng Anh	3.50	3.32	90	90	Giỏi
38	1967010005	Đỗ Ngọc	Ánh	K22A ĐHSP Tiếng Anh	3.33	3.36	91	94	Giỏi

Handwritten signature

Handwritten mark

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBC học tập		Điểm rèn luyện		Phân loại
				HK I	HK II	HK I	HK II	
39	1769000003	Hồ Diệp Anh	K20A ĐHGĐ Tiểu học	3.75	3.47	93	94	Giỏi
40	1769000004	Lê Thị Linh Chi	nt	3.38	3.47	88	91	Giỏi
41	1769000005	Hà Thị Linh Chi	nt	3.56	3.73	86	91	Giỏi
42	1769000007	Nguyễn Thị Giang	nt	3.75	3.47	83	91	Giỏi
43	1769000011	Bùi Thị Huân	nt	3.44	3.6	89	92	Giỏi
44	1769000012	Lê Thị Thanh Huệ	nt	3.44	3.4	93	89	Giỏi
45	1769000023	Cao Như Ngọc	nt	3.31	3.2	86	87	Giỏi
46	1769000024	Hà Thị Bích Ngọc	nt	3.44	3.2	83	85	Giỏi
47	1769000030	Nguyễn Thị Phương	nt	3.44	3.33	89	92	Giỏi
48	1769000036	Cao Thị Thùy	nt	3.38	3.43	82	85	Giỏi
49	1769000037	Đỗ Huyền Trang	nt	3.56	3.6	98	95	Giỏi
50	1769000041	An Thị Tuyến	nt	3.25	3.40	81	83	Giỏi
51	1769000046	Nguyễn Thị Lan Anh	K20B ĐHGĐ Tiểu học	3.63	3.47	92	95	Giỏi
52	1769000053	Phạm Thúy Hạnh	nt	3.69	3.53	96	96	Giỏi
53	1769000054	Lê Thị Hiền	nt	3.5	3.27	84	91	Giỏi
54	1769000061	Trịnh Thị Thảo Linh	nt	3.75	3.53	96	96	Giỏi
55	1769000070	Lê Hồng Nhung	nt	3.38	3.2	84	89	Giỏi
56	1769000071	Lang Thị Nhung	nt	3.31	3.3	85	91	Giỏi
57	1769000058	Phạm Thị Hường	nt	3.38	3.2	85	89	Giỏi
58	1769000081	Nguyễn Thị Thu	nt	3.3	3.31	85	94	Giỏi
59	1769000086	Nguyễn Thị Tươi	nt	3.23	3.25	84	84	Giỏi
60	1769000003	Trương Cẩm Thi	nt	3.44	3.33	88	90	Giỏi
61	1769000084	Vũ Thị Trang	nt	3.38	3.3	85	85	Giỏi
62	1769000074	Nguyễn Thị Phương	nt	3.69	3.47	90	93	Giỏi
63	1869000008	Lê Thị Thúy Hằng	K21 ĐHGĐ Tiểu học	3.24	3.41	83	86	Giỏi
64	1869000023	Hứa Thị Ngọc	nt	3.24	3.26	83	81	Giỏi
65	1869000027	Phạm Thu Quỳnh	nt	3.34	3.35	83	86	Giỏi
66	1869000035	Bàn Thị Thu	nt	3.39	3.26	81	86	Giỏi
67	1969000020	Đỗ Hoàng Lan	K22A ĐHGĐ Tiểu học	3.46	3.63	90	96	Giỏi
68	1969000071	Nguyễn Thị Hương Lài	nt	3.54	3.48	89	83	Giỏi
69	1969000080	Nguyễn Thị Trà My	nt	3.36	3.47	86	81	Giỏi
70	1969000102	Nguyễn Thu Trang	nt	3.25	3.28	88	83	Giỏi
71	186C740005	Lê Ngân Dung	K40 CĐGD Tiểu học	3.27	3.21	90	92	Giỏi
72	186C740014	Nguyễn Phương Nga	nt	3.27	3.71	91	95	Giỏi
73	186C740027	Lương Thị Xuân	nt	3.31	3.29	80	84	Giỏi
74	196C740030	Lê Đình Tuấn	K41 CĐGD Tiểu học	3.39	3.42	91	93	Giỏi
75	1769010011	Lê Thu Hằng	K20A ĐHGĐ Mầm non	3.61	3.27	85	85	Giỏi
76	1769010012	Nguyễn Thị Hằng	nt	3.39	3.20	84	85	Giỏi
77	1769010015	Nguyễn Thị Hào	nt	3.44	3.27	84	86	Giỏi
78	1769010016	Nguyễn Thị Hiền	K20A ĐHGĐ Mầm non	3.25	3.20	84	86	Giỏi
79	1769010017	Nguyễn Thị Hoa	nt	3.56	3.33	85	87	Giỏi
80	1769010022	Nguyễn Thị Huyền	nt	3.25	3.33	85	86	Giỏi

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBC học tập		Điểm rèn luyện		Phân loại
				HK I	HK II	HK I	HK II	
81	1769010029	Lê Thị Luyến	nt	3.43	3.73	95	89	Giỏi
82	1769010030	Lê Thị Lý	nt	3.86	3.47	87	93	Giỏi
83	1769010036	Lê Thị Ngọc	nt	3.61	3.40	87	87	Giỏi
84	1769010037	Bùi Thị Nhân	nt	3.54	3.23	85	83	Giỏi
85	1769010045	Nguyễn Thanh Tâm	nt	3.32	3.33	85	83	Giỏi
86	1769010047	Bùi Thị Thảo	nt	3.46	3.50	92	86	Giỏi
87	1769010056	Hồ Thị Uyên	nt	3.21	3.33	85	87	Giỏi
88	1769010057	Trần Thị Xuân	nt	3.29	3.33	90	87	Giỏi
89	1769010058	Trần Thị Yến	nt	3.61	3.80	92	88	Giỏi
90	1769010240	Vũ Thị Tú Oanh	nt	3.79	3.60	95	89	Giỏi
91	1769010064	Nhữ Thị Dung	K20B ĐHGĐ Mầm non	3.38	3.70	89	88	Giỏi
92	1769010068	Vũ Thị Hằng	nt	3.21	3.33	86	81	Giỏi
93	1769010070	Hoàng Thị Hằng	nt	3.21	3.27	87	82	Giỏi
94	1769010073	Nguyễn Thị Hậu	nt	3.32	3.57	89	86	Giỏi
95	1769010074	Lê Thị Hiền	nt	3.50	3.40	92	92	Giỏi
96	1769010075	Đinh Thị Hoa	nt	3.71	3.20	91	88	Giỏi
97	1769010077	Nguyễn Thị Hồng	nt	3.29	3.33	89	90	Giỏi
98	1769010079	Lê Ngọc Huyền	nt	3.43	3.30	87	80	Giỏi
99	1769010080	Trương Thị Huyền	nt	3.68	3.27	88	81	Giỏi
100	1769010084	Hoàng Thị Mỹ Linh	nt	3.43	3.40	88	88	Giỏi
101	1769010086	Lê Thị Loan	nt	3.68	3.50	93	93	Giỏi
102	1769010088	Lê Hoàng Mai	nt	3.25	3.30	88	81	Giỏi
103	1769010094	Trương Thị Nguyễn	nt	3.43	3.53	88	81	Giỏi
104	1769010095	Hà Thị Nhiên	nt	3.50	3.30	86	80	Giỏi
105	1769010096	Lê Thị Nhung	nt	3.39	3.23	89	88	Giỏi
106	1769010097	Lê Thị Nhường	nt	3.43	3.40	83	83	Giỏi
107	1769010103	Nguyễn Thị Tâm	nt	3.43	3.57	91	94	Giỏi
108	1769010104	Lê Thị Thanh	nt	3.29	3.40	89	89	Giỏi
109	1769010105	Hà Thị Huyền Thương	nt	3.25	3.23	87	82	Giỏi
110	1769010107	Hà Huyền Trang	nt	3.43	3.37	88	81	Giỏi
111	1769010108	Lê Thị Trang	nt	3.29	3.37	88	81	Giỏi
112	1769010109	Nguyễn Thị Huyền Trang	nt	3.36	3.33	87	82	Giỏi
113	1769010119	Phạm Thị Khánh Chi	K20C ĐHGĐ Mầm non	3.43	3.23	84	86	Giỏi
114	1769010120	Lữ Thị Diệu	nt	3.34	3.20	86	87	Giỏi
115	1769010123	Nguyễn Thị Thu Hà	nt	3.54	3.53	86	89	Giỏi
116	1769010125	Chu Thị Hằng	nt	3.28	3.20	83	81	Giỏi
117	1769010126	Nguyễn Thị Hằng	nt	3.57	3.27	84	85	Giỏi
118	1769010130	Trương Thị Hiền	nt	3.61	3.60	86	86	Giỏi
119	1769010135	Nguyễn Thị Hương	K20C ĐHGĐ Mầm non	3.82	3.77	84	90	Giỏi
120	1769010140	Nguyễn Thị Linh	nt	3.50	3.20	84	86	Giỏi
121	1769010142	Phạm Thị Khánh Linh	nt	3.50	3.20	83	82	Giỏi
122	1769010143	Phan Thị Lưu	nt	3.57	3.33	88	88	Giỏi

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TBC học tập		Điểm rèn luyện		Phân loại
					HK I	HK II	HK I	HK II	
123	1769010145	Lê Thị	Mai	nt	3.29	3.20	88	89	Giỏi
124	1769010148	Phạm Thị	Nga	nt	3.21	3.43	84	89	Giỏi
125	1769010151	Vũ Thị	Nguyệt	nt	3.64	3.53	88	88	Giỏi
126	1769010152	Lê Thị	Nhung	nt	3.43	3.30	88	89	Giỏi
127	1769010172	Hà Thị	Yến	nt	3.21	3.37	85	84	Giỏi
128	1769010183	Nguyễn Thị	Giang	K20D ĐHGĐ Mầm non	3.54	3.67	90	88	Giỏi
129	1769010199	Hà Thị	Khuyên	nt	3.61	3.53	90	89	Giỏi
130	1769010191	Hà Thị	Hào	nt	3.26	3.25	88	81	Giỏi
131	1769010204	Nguyễn Diệu	Linh	nt	3.46	3.80	89	82	Giỏi
132	1769010211	Phạm Thị	Nga	nt	3.57	3.87	89	89	Giỏi
133	1769010223	Nguyễn Như	Quỳnh	nt	3.93	3.43	90	87	Giỏi
134	1769010236	Nguyễn Thanh	Xuân	nt	3.43	3.73	90	88	Giỏi
135	1769010225	Nguyễn Thị	Thảo	nt	3.46	3.53	89	82	Giỏi
136	1769010190	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	nt	3.54	3.67	90	88	Giỏi
137	1869010023	Đỗ Thị Thùy	Linh	K21A ĐHGĐ Mầm non	3.69	3.39	92	89	Giỏi
138	1869010031	Bùi Thị	Oanh	nt	3.22	3.50	89	91	Giỏi
139	1869010032	Tổng Thị	Phương	nt	3.44	3.29	90	88	Giỏi
140	1869010046	Lò Thị	Tươi	nt	3.28	3.32	89	87	Giỏi
141	1869010080	Trương Thị Kiều	Oanh	K21B ĐHGĐ Mầm non	3.47	3.61	91	92	Giỏi
142	1869010085	Lê Thị Phương	Thảo	nt	3.50	3.61	93	92	Giỏi
143	1869010095	Đỗ Thị Thu	Uyên	nt	3.47	3.32	90	87	Giỏi
144	1869010122	Hoàng Thị	Linh	K21C ĐHGĐ Mầm non	3.56	3.50	90	89	Giỏi
145	1869010145	Hàn Thị	Tuyến	nt	3.28	3.32	90	86	Giỏi
146	1969010029	Nguyễn Thị Ánh	Linh	K22 ĐHGĐ Mầm non	3.21	3.61	91	89	Giỏi
147	186C680032	Trịnh Thị	Rung	K40 CĐGD Mầm non	3.56	3.83	92	89	Giỏi
148	186C680042	Nguyễn Thị	Uyên	nt	3.25	3.69	90	93	Giỏi
149	1661070002	Nguyễn Duy	Bắc	K19 ĐH KTCT	3.89	3.53	92	90	Giỏi
150	1662030008	Nguyễn Văn	Đệ	K19 ĐH KTĐ Điện tử	3.39	3.38	90	90	Giỏi
151	1761070024	Mualiphenh		K20 ĐH KTCT	3.38	3.53	84	80	Giỏi
152	1762030003	Đinh Văn	Ca	K20 ĐH KTĐ Điện tử	3.67	3.35	91	90	Giỏi
153	1762030008	Mai Văn	Hoàng	nt	3.56	3.30	90	90	Giỏi
154	1761030006	Lê Văn Hải	Biên	K20A ĐH CNTT	3.38	3.75	95	93	Giỏi
155	1761030024	Đoàn Ngọc	Long	K20B ĐH CNTT	3.56	3.56	89	91	Giỏi
156	1761030032	Lê Hữu	Sáu	nt	3.24	3.66	89	91	Giỏi
157	1761030057	Phan Thị	Phương	nt	3.26	3.25	91	95	Giỏi
158	1663050012	Hoàng Thị Tổ	Linh	K19 ĐH Nông học	3.47	4.00	91	91	Giỏi
159	1663020007	Nguyễn Thị	Cúc	K19 ĐH CNTY	3.61	3.64	90	80	Giỏi
160	1663020009	Lê Xuân	Dương	K19 ĐH CNTY	3.39	3.43	98	91	Giỏi
161	1663020015	Phạm Thị	Hằng	nt	3.39	3.71	81	80	Giỏi
162	1663020019	Yên Thị	Hoa	nt	3.31	3.57	88	82	Giỏi
163	1663020022	Lê Văn	Hợp	nt	3.61	3.43	90	83	Giỏi
164	1663020025	Ngô Thị	Huyền	nt	3.44	3.57	85	83	Giỏi

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBC học tập		Điểm rèn luyện		Phân loại
				HK I	HK II	HK I	HK II	
165	1663020029	Phan Thị Mai	nt	3.28	3.57	92	84	Giỏi
166	1663020059	Cao Thị Trang	nt	3.58	3.43	83	82	Giỏi
167	1663020060	Hoàng Thị Trang	nt	3.47	3.57	84	80	Giỏi
168	1663020061	Trịnh Văn Trung	nt	3.47	3.71	88	83	Giỏi
169	1663020062	Trần Thị Vân	nt	3.50	3.21	81	83	Giỏi
170	1763020009	Nguyễn Văn Hiếu	K20 ĐH CNTY	3.43	3.25	92	95	Giỏi
171	1763020024	Nguyễn Ngọc Quỳnh	nt	3.30	3.50	85	90	Giỏi
172	1763050005	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K20 ĐH Nông học	3.34	3.67	80	90	Giỏi
173	1764020080	Nguyễn Thị Phương	K20A ĐH QTKD	3.22	3.28	84	82	Giỏi
174	1764020076	Lê Thị Nga	nt	3.94	3.47	90	92	Giỏi
175	1764010034	Phạm Thị Hoài Linh	K20A ĐH Kế toán	3.4	3.78	80	83	Giỏi
176	1764010054	Cao Thị Thu	nt	3.3	3.59	84	84	Giỏi
177	1764010043	Lê Thị Kim Ngân	nt	3.2	3.38	94	96	Giỏi
178	1764010031	Lê Thị Liên	nt	3.24	3.59	81	81	Giỏi
179	1764010092	Nguyễn Thị Huyền	K20B ĐH Kế toán	3.3	3.59	81	90	Giỏi
180	1764010074	Lưu Thị Vân Anh	nt	3.74	3.75	81	88	Giỏi
181	1864010043	Nguyễn Thị Phương Thúy	K21A ĐH Kế toán	3.68	3.66	91	88	Giỏi
182	1864010125	Nguyễn Thị Kim Liên	K21C ĐH Kế toán	3.24	3.47	81	86	Giỏi
183	1964010007	Nguyễn Linh Chi	K22A ĐH Kế toán	3.23	3.78	90	90	Giỏi
184	1964010015	Nguyễn Thị Thúy Hằng	nt	3.43	3.53	91	96	Giỏi
185	1964010026	Hoàng Thị Linh	nt	3.23	3.72	89	91	Giỏi

(Ấn định danh sách này có 185 sinh viên)

J. S. S. S.

M. H.